

Bản án số: **119/2022/HS-ST**
Ngày: 23/11/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN S.D, TỈNH T.Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Minh Khánh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Quốc Thế
2. Ông Trần Hữu Lượng

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện S.D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D tham gia phiên toà: Ông Hoàng Hữu Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 23/11/2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S.D, tỉnh T.Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 120/2022/TLST- HS ngày 31 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2022/QĐXXST-HS, ngày 09 tháng 11 năm 2022, đối với bị cáo:

L.Q.Đ, sinh ngày 09/11/1996 tại huyện S.D, tỉnh T.Q; Nơi cư trú: Thôn C, xã M.T, huyện S.D, tỉnh T.Q; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông: L.Q.H, sinh năm 1975; con bà: N.T.H, sinh năm 1976; Vợ con: Chưa có; Anh, chị, em ruột: có 2 người, bị cáo là con thứ hai.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: Ngày 23/12/2021, UBND xã M.T, huyện S.D ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 292 đối với L.Q.Đ về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy. Bị cáo chưa thi hành.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 05/9/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh T.Q. (Có mặt tại phiên toà).

- *Người bị hại:* Ông L.Q.V, sinh năm 1974; trú tại: Thôn C, xã M.T, huyện S.D, tỉnh T.Q. (Vắng mặt tại phiên toà)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh N.V.T, sinh năm 1991; trú tại: Tổ dân phố Đăng Châu, thị trấn S.D, huyện S.D, tỉnh T.Q.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Thế Nghĩa, Trợ giúp viên - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T.Q.

(Đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 14/7/2022, L.Q.Đ (là đối tượng nghiện ma túy) đến nhà ông L.Q.V (là người cùng thôn) chơi. Ông Vinh mời Đ ở lại ăn cơm, uống rượu, Đ đồng ý ở lại nhà ông Vinh ăn cơm, uống rượu. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì ăn cơm, uống rượu xong, Đ lên ghé tại phòng khách ngồi uống nước, ông Vinh dọn dẹp và bê mâm xuống bếp. Khi ngồi tại phòng khách nhà ông Vinh, Đ nhìn thấy 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI màu xanh đen được lắp sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0375.571.486 của ông Vinh để trên nóc kệ tủ tivi tại phòng khách. Do không có tiền chi tiêu cá nhân nên Đ đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại của ông Vinh để bán lấy tiền mua Heroine về sử dụng. Đ quan sát thấy ông Vinh ở dưới bếp nên Đ đã đi đến kệ tivi trộm cắp chiếc điện thoại cất giấu vào túi quần rồi ra ghé ngồi. Khoảng 02 phút sau ông Vinh lên phòng khách thì Đ xin phép ra về.

Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ cầm chiếc điện thoại trộm cắp được của ông Vinh đi đến cửa hàng điện thoại di động Toàn Trang do anh N.V.T trú tại tổ dân phố Đăng Châu, TT S.D, huyện S.D làm chủ, Đ bán điện thoại cho anh Toàn được 1.000.000đ (một triệu đồng). Khi mua điện thoại anh Toàn không biết tài sản do Đ trộm cắp mà có. Số tiền bán điện thoại Đ đã mua heroine của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ ở khu vực ngã ba Núi Hồng thuộc xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên và đã sử dụng hết bằng hình thức tiêm chích vào cơ thể.

Tại kết luận định giá tài sản số 42/KL - HĐĐTSTTHS ngày 02/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện S.D, kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI 9A tính đến thời điểm bị mất trộm có giá trị là 2.239.200đ (Hai triệu hai trăm ba mươi chín nghìn hai trăm đồng); 01 sim điện thoại Viettel có giá trị 50.000đ (Năm mươi nghìn đồng). Tổng giá trị bị trộm cắp là 2.289.200đ ((Hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Cáo trạng số 118/CT-VKSSD, ngày 31/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố: L.Q.Đ về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

- Tuyên bố: Bị cáo L.Q.Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo L.Q.Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (05/9/2022). Không đề nghị hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho anh N.V.T 1.000.000đ.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX buộc bị cáo nộp tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Luận cứ bào chữa của ông Phạm Thế Nghĩa - Trợ giúp viên pháp lý người bào chữa cho bị cáo L.Q.Đ: Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, căn cứ cuộc thẩm vấn công khai tại phiên tòa. Nhận thấy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D đã truy tố đối với bị cáo L.Q.Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” là đúng người đứng tội. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật bị hạn chế; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối Ci. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị HĐXX xử bị cáo với mức án thấp nhất. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xem xét; Về yêu cầu của người có quyền lợi liên quan đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo phải trả cho anh N.V.T số tiền mua điện thoại là 1.000.000đ; Do bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn, không có việc làm ổn định nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo và đề nghị miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo ăn năn, hối Ci về hành vi phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo L.Q.Đ thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, và những tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào Biên bản khám nghiệm, xác minh hiện trường và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ ngày 14/7/2022, tại phòng khách của gia đình ông L.Q.V, trú tại thôn C, xã M.T, huyện S.D, L.Q.Đ đã trộm cắp 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI màu xanh đen được lắp sim của nhà mạng Viettel số thuê bao

0375.571.486 của ông L.Q.V. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.289.200đ ((Hai triệu hai trăm tám mươi chín nghìn hai trăm đồng)).

Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D truy tố L.Q.Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút chiếm đoạt tài sản, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Bản thân bị cáo là đối tượng sử dụng ma túy, lười lao động, để có tiền chi tiêu cá nhân bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp. Do vậy cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, có như vậy mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và đường lối xử lý đối với bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay thành khẩn khai báo, ăn năn hối Ci; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình cần xem xét cho bị cáo để lên mức án cho phù hợp.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã được phân tích ở trên, Hội đồng xét xử xét mức án mà đại diện Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo đề nghị là phù hợp nên chấp nhận xử phạt bị cáo trong mức án Viện kiểm sát đề nghị.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát và người bào chữa cho bị cáo do bị cáo không có việc làm ổn định, không có tài sản có giá trị nên HĐXX chấp nhận không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về phần dân sự: Bị hại ông L.Q.V không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Nên HĐXX không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh N.V.T yêu cầu bị cáo phải trả cho anh số tiền 1.000.000đ vì khi mua anh không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Xét đề nghị của anh Toàn là phù hợp nên HĐXX chấp nhận buộc bị cáo phải trả cho anh N.V.T số tiền mua điện thoại là 1.000.000đ.

[6] Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ 01 điện thoại nhãn hiệu REDMI màu xanh đen được lắp sim của nhà mạng Viettel số thuê bao 0375.571.486. Ngày 13/9/2022 cơ quan điều tra đã trả lại cho ông L.Q.V. Nên HĐXX không xem xét.

[7] Các vấn đề khác:

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của L.Q.Đ ngày 03/9/2022, Công an huyện S.D đã Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Đ (Quyết định số 332/QĐ/XPHC, ngày 13/10/2022).

Đối với người đàn ông bán ma túy cho L.Q.Đ ngày 02/9/2022 do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để điều tra xử lý.

Đối với N.V.T khi mua điện thoại không biết là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Nên không có căn cứ xử lý.

Do đó, HĐXX không xem xét.

[8] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện S.D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S.D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Tại phiên tòa bị cáo có đơn xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xét thấy bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. HĐXX chấp nhận miễn 100% án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ: Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; các Điều 584; 585; 586; 589; 357 Bộ luật Dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Tuyên bố: Bị cáo **L.Q.Đ** phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

1. Về hình phạt:

Xử phạt: Bị cáo **L.Q.Đ 07** (bảy) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (05/9/2022).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo có nghĩa vụ trả cho anh N.V.T số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng).

Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và anh Toàn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu bị cáo chậm trả thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

- Miễn 100% tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo L.Q.Đ.

- Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

- Bị cáo được quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự” ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T.Q;
- VKSND tỉnh T.Q;
- Nhà tạm giữ Công an huyện SD;
- VKSND huyện S.D;
- Công an huyện S.D;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện SD;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Minh Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Sơn Hải - Nguyễn Văn Vân

Hoàng Thị Minh Khánh

